

TÍN HIỆU NGÔN NGỮ
VỚI GIÁ TRỊ ƯỚC ĐỊNH VÀ TIỀN ĐỀ GIAO TIẾP XÃ HỘI
(TỪ MỘT SỐ LUẬN ĐỀ CỦA MARX)
LINGUISTIC SIGNS WITH REFERRING VALUE AND
COMMUNICATIVE PREREQUISITE (FROM SOME OF MARX'S THEMES)

NGUYỄN LAI

(GS, TSKH, Thành phố Hồ Chí Minh)

Abstract

The way to look at language as a dynamic entity in taking its form and developing as conceived by Marx seems to be stationed with increasing clarity in the open approaches of current linguistic studies. At the same time, , right here, with the above mentioned viewpoint, Marx gives us suggestions to go deeper into many important aspects of language nature in interpreting it. That is the social nature of language interpreted *from the socio-communicative prerequisite* and the sign nature of language interpreted *from referring value*.

Nói đến ngôn ngữ, rõ ràng - hay ít ra cũng ngày càng rõ ràng hơn - ta không thể không đi vào bản chất tín hiệu của nó. Vì, nghĩ cho cùng, chỉ có đi sâu vào bản chất tín hiệu của ngôn ngữ, ta mới hiểu đích thực được chính ngôn ngữ.

Về phương diện này, F. de Saussure là người đầu tiên đã thực sự quan tâm đến vấn đề. Tiếp cận hạt nhân *lí thuyết giá trị* từ phạm trù kinh tế học của Marx, Saussure vận dụng nó vào phạm trù ngôn ngữ học. Ở phạm vi thứ nhất, tác giả đã vận dụng thuật ngữ *giá trị* trong mối liên hệ với *kết quả sử dụng*. Ở phạm vi thứ hai, tác giả khảo sát *giá trị* trong mối quan hệ với *quá trình hình thành* gắn liền với tính chất ước định mang yếu tố tâm lí xã hội. Nếu ở phạm vi *sử dụng*, Saussure nhấn mạnh tính tương đối về ý nghĩa của ngôn ngữ tùy theo *cái biểu đạt* thì ở phạm vi *hình thành*, tác giả đã có những quan niệm hết sức phóng khoáng. Tại đây, tác giả xác định: "Vấn đề ngôn ngữ học trước hết là vấn đề tín hiệu học, không có gì thích hợp bằng ngôn ngữ học để cho ta làm sáng tỏ bản chất của vấn đề tín hiệu học...Sở dĩ lần đầu tiên chúng

tôi ấn định cho ngôn ngữ học một vị trí giữa các khoa học khác là vì chính nó đã gắn liền nó với khoa tín hiệu học" (3;41).

Như vậy, nếu có gì cần nhấn mạnh ở đây thì đây chính là Saussure - ngay từ trong nhận thức - đã có ý thức tiếp cận và vận dụng *hạt nhân tương đối* của *lí thuyết giá trị* từ phạm trù kinh tế học của Marx để soi sáng cho phạm trù ngôn ngữ học.

Nguyên tắc của mối liên hệ trừu tượng trên đang gắn với những luận đề của Marx mà chúng ta muốn tìm hiểu.

Đi vào vấn đề đặt ra trong mối liên hệ với Marx, có lẽ trước hết cần biết đoạn hồi kí ít được biết đến về Marx sau đây của Leibnitz : "*Marx thành thạo kì lạ các ngôn ngữ. Người biết tất cả các chi tiết quyền ngữ pháp tiếng Đức của Grim và hiểu quyền từ điển tiếng Đức của Grim hơn tôi - nhà ngữ văn (...). Marx hiểu bản chất ngôn ngữ và quan tâm đến nguồn gốc, sự phát triển và cấu trúc của nó*" (Về văn học và nghệ thuật, NXB Sự thật, 77, tr.527).

Như vậy, có thể nói Marx là người hiểu rõ cơ cấu ngôn ngữ, đặc biệt là mặt nội dung, mặt tư duy nhận thức gắn với phần cơ chế trừu tượng của nó. Đáng nói hơn là trong cơ chế này – từ tầm nhìn triết học của mình - Marx là người khẳng định mặt trừu tượng nằm trong bản chất tín hiệu của ngôn ngữ **VỐN LÀ CÁI KHÔNG THỂ TÁCH RỜI TIỀN ĐỀ VẬT THỂ CỦA NÓ** (N.L). Luận đề của Marx như sau: "Ngay từ đầu đã có một sự rủi ro đè nặng lên "tinh thần", đó là sự rủi ro do một vật chất làm "hoen ố", và vật chất đó thể hiện ở đây dưới hình thức những lớp không khí chuyển động, tức là những âm thanh" (1;29). Luận điểm này được Marx mở rộng thành nhiều mệnh đề mà nhiều người dựa vào đó để phê phán quan điểm "nghĩa luận" của Maarr (Marr) như chúng ta đều biết.

Dĩ nhiên Marx không chỉ dừng lại ở đó. Cái tiếp theo gắn với *dấu hiệu vật thể* ấy được Marx chú ý là *giá trị ước định*.

GIÁ TRỊ ƯỚC ĐỊNH (*conventional value*) được Marx đặt ra từ tầm bao quát chung của *quy luật giá trị* với sự so sánh mở rộng từ *kinh tế học* sang *ngôn ngữ học*.

Theo Marx thì "giá trị không mang trên trán một chữ nào chỉ rõ nó là cái gì" nhưng hình như bao giờ nó cũng "tạo ra" sau dấu hiệu vật thể "một chữ tượng hình" - và Marx nhấn mạnh - "chỉ dần dần người ta mới hiểu được *nghĩa* của chữ tượng hình đó (...) y như ngôn ngữ vậy" (2;106). Trong khi tiếp cận nguyên tắc trừu tượng không dễ hiểu trên, giới ngôn ngữ học may mắn được ghi nhận một so sánh cụ thể gần chuyên môn của mình "Tên một vật thì không hoàn toàn đáng gì với bản chất của vật chất đó cả. Tôi biết anh ta tên là Giắc-cơ, nhưng tôi chẳng biết tí gì về anh ta cả. Quan hệ giá trị cũng vậy, quan hệ đó cũng biến đi không để lại dấu vết gì trong các tên tiền tệ như Li-vơ-rơ, Tale, Đô-la..." (2;106). Tiếp theo, để làm sáng tỏ thêm mặt bản chất trừu tượng của giá trị ước định, Marx còn nêu một ví dụ gắn với đối tượng hàng hóa qua phân tích sau : "Ta lấy gỗ làm một cái bàn thì hình thức gỗ đã bị biến đổi. Nhưng dù sao, cái bàn thì vẫn là gỗ, là một vật thông thường, và người ta *có thể cảm giác được* lại *vừa không cảm giác được* - vẫn lời Marx - nó không chịu đặt chân trên mặt đất mà có thể nói là nó đứng ngược trên cái đầu bằng

gỗ của nó đối diện với các hàng hóa khác" (2;106). Trong khi nêu mối liên hệ giữa "cái vừa cảm giác được vừa không cảm giác được" với giá trị hàng hóa của cái bàn thì Marx nhấn mạnh tiếp một luận đề vừa trừu tượng vừa khái quát hơn: "Trong hoạt động thị giác thì ánh sáng thực sự chiếu từ một vật bên ngoài vào một vật khác, tức con mắt, đây là một **QUAN HỆ VẬT LÍ**. Nhưng hình thái giá trị và quan hệ giá trị (...) thì tuyệt đối **KHÔNG** dính líu gì đến tính chất vật lí ấy cả. Đó chỉ là **QUAN HỆ XÃ HỘI**... nhưng ở đây, đối với người, **NÓ LẠI CÓ HÌNH THÁI ẢO TƯỢNG LÀ QUAN HỆ GIỮA CÁC VẬT VỚI NHAU**. Phải đi vào cõi huyền ảo của thế giới tôn giáo mới có thể tìm thấy ví dụ tương tự" (2;104).

Đồng thời với việc gợi dẫn vào *khả năng tư duy hình tượng ở nội tâm con người* để giải thích hiện tượng, thì - bằng một ví dụ sinh động - Marx đã làm sáng tỏ vấn đề một cách rất dễ hiểu : "Nếu trong các kí hiệu bằng kim loại, **TÍNH CHẤT THUẦN TÚY BIỂU TRUNG** được che giấu đến mức nào đó thì trong tiền giấy, tính chất ấy được biểu lộ ra một cách không úp mở gì hết" (2;177). Phát hiện *tính chất biểu trưng* gắn với so sánh tiền tệ nêu trên của Marx, từ trong chiều sâu chân lí của nó, chúng tôi xem đây chính là một trong những tiền đề về nhận thức liên quan đến sự hình thành mệnh đề sau của Saussure: "*Tất cả các giá trị ước định đều có đặc tính **KHÔNG TRÙNG LÀM MỘT VỚI YẾU TỐ CÓ THỂ CẢM GIÁC ĐƯỢC** dùng làm chỗ dựa cho nó*" (3;206).

Như vậy, *giá trị ước định* trước hết *không phải là giá trị tự thân của chính dấu hiệu vật thể*, mà đây chỉ là **GIÁ TRỊ BIỂU TRUNG MANG YẾU TỐ TÂM LÍ XÃ HỘI** đang gắn liền với dấu hiệu vật thể.

Từ cách hiểu trên , ta có thể xác định : 1) Theo cách nói của Marx ” **CÁI VỪA CẢM GIÁC ĐƯỢC** “ tức là dấu hiệu vật thể, và “**CÁI VỪA KHÔNG CẢM GIÁC ĐƯỢC**”tức là sự quy ước mang yếu tố tâm lí xã hội đang gắn một cách biểu trưng với dấu hiệu vật thể để làm nên chính thể tín hiệu). 2) Do vậy, có thể hiểu chính sự đối lập giữa **CÁI VỪA CẢM GIÁC ĐƯỢC VỪA KHÔNG CẢM GIÁC ĐƯỢC** của Marx là tương ứng với sự đối lập giữa **CÁI BIỂU ĐẠT** và **CÁI ĐƯỢC BIỂU ĐẠT** của Saussure 3) Dựa trên *cơ chế hai*

mặt không tách rời nhau vốn tạo nên chính của tín hiệu mà Marx và Saussure đã tìm thấy điểm đồng tâm chung giữa tiền tệ và ngôn ngữ 4) Và cuối cùng, khi hiểu được thực chất giá trị ước định theo cơ chế trên, ta mới nhận ra (a) VÌ SAO tiền tệ và ngôn ngữ bao giờ cũng mang tính biểu trưng (b) VÌ SAO chức năng của tiền tệ và ngôn ngữ chỉ có thể được xác định thông qua hành vi trao đổi mang tính xã hội (c) VÌ SAO tính biểu trưng của tín hiệu tiền tệ và ngôn ngữ bao giờ cũng là hệ quả của nhân tố vô đoán

Cách phân tích dựa trên hệ quả hoạt động để phát hiện cơ chế đồng tâm có thể có giữa tiền tệ và ngôn ngữ như đã làm, phải chăng giúp ta hiểu rõ hơn, vì sao luận đề có tính nguyên lí của Marx lại đồng tâm với định nghĩa quan trọng về tín hiệu ngôn ngữ của Saussure *"Tất cả các giá trị ước định đều có đặc tính KHÔNG TRÙNG LÀM MỘT VỚI YẾU TỐ CÓ THỂ CẢM GIÁC ĐƯỢC dùng làm chỗ dựa cho nó"*. Và ngược lại, tại đây, chính luận điểm của Saussure cũng đã trở lại làm sáng mạch chìm sâu kín về sự tương tác phạm trù (vật lí - tâm lí / khách thể - chủ thể / cụ thể - trừu tượng) mang tính triết học nằm trong luận đề của Marx mà ta đang tiếp cận..

"Trong hoạt động thị giác thì ánh sáng thực sự chiếu từ một vật bên ngoài vào một vật khác, tức con mắt, đây là một QUAN HỆ VẬT LÍ. Nhưng hình thái giá trị và quan hệ giá trị (...) thì tuyệt đối KHÔNG dính líu gì đến tính chất vật lí ấy cả. Đó chỉ là QUAN HỆ XÃ HỘI... nhưng ở đây, đối với người, nó lại có hình thái ảo tưởng là quan hệ giữa các vật với nhau. (2;104)

Như vậy, cuối cùng, phải chăng chỉ có qua so sánh với Marx, làm rõ Saussure theo hướng trên, ta mới có điều kiện hiểu sâu hơn đề lí giải vì sao Saussure không bao giờ tách tín hiệu học ra khỏi tâm lí học đồng thời luôn khẳng định "tín hiệu ngôn ngữ là một thực thể tâm lí hai mặt" (3;34).

Dẫn Saussure và đối chiếu với Marx, làm sáng tỏ giá trị ước định để từ đó có điều kiện đi sâu vào động lực làm nảy sinh tính chất ước định từ hệ thống luận đề của Marx ở bước tiếp theo: Đó là luận đề về TIỀN ĐỀ GIAO TIẾP XÃ HỘI từ tầm nhìn của Marx (một đề tài luôn mang tính thời sự đối với ngữ học).

Về phương diện này, từ chiều sâu quan điểm xã hội học của mình, Marx lưu ý: "Sự sản sinh ra tư tưởng, biểu tượng và ý thức trước hết là gắn liền một cách trực tiếp và mật thiết với hoạt động vật chất và giao dịch của con người (...). Ngôn ngữ cũng tồn tại cho những người khác... như vậy cũng là tồn tại đầu tiên cho bản thân tôi nữa... NGÔN NGỮ CHỈ SINH RA LÀ DO YẾU CẦU CẦN THIẾT PHẢI GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI KHÁC" (2;118). Chính ở đây (ở chỗ mà tính chất ước định của ngôn ngữ bao giờ cũng gắn liền với ý nghĩa xã hội VỪA CHO NGƯỜI KHÁC VỪA CHO TÔI THÔNG QUA GIAO TIẾP) đã kéo theo một áp lực VỪA CÁ NHÂN VỪA XÃ HỘI cho bản chất ngôn ngữ trong quá trình hình thành. Tại tiêu điểm này, với tầm nhìn biện chứng của mình, Marx đã nhấn mạnh: "Trao đổi là hành vi xã hội, và với tất cả những người trao đổi (...) thì CÙNG MỘT HÀNH VI ĐÓ, KHÔNG THỂ ĐƠN THUẦN LÀ HÀNH VI CÁ NHÂN, VÀ NGƯỢC LẠI, KHÔNG THỂ ĐƠN THUẦN LÀ HÀNH VI XÃ HỘI" (2;125.). Và, như chúng ta biết, trong thực tiễn giao tiếp, "trao đổi cái gì", về mặt tư chất tự nhiên, đã là phạm trù nội dung rồi. Hơn nữa, phạm trù của những dấu hiệu thuộc "cái biểu đạt" cũng không phải là cái sẵn có. Nó chỉ định hình cùng với quá trình hình thành nội dung gắn với yêu cầu giao tiếp ("Không làm gì có những ý niệm được xác lập từ trước, và không có gì tách biệt trước khi ngôn ngữ xuất hiện (...) Tư duy không phải là tư tưởng được vật chất hóa, cũng không phải là âm thanh được tinh thần hóa" (3;195, 196). Hình như chỉ từ cách luận giải trên, chúng ta mới thực sự tiếp cận được hết chiều sâu của mệnh đề "NGÔN NGỮ CHỈ SINH RA LÀ DO NHU CẦU CẦN THIẾT PHẢI GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI KHÁC". Từ đó, nếu cho rằng giá trị ước định không thể tách khỏi ý nghĩa xã hội, và ý nghĩa xã hội không thể tách khỏi yêu cầu giao tiếp, thì chính ở đây, HÀNH VI GIAO TIẾP là điều kiện cần có trước tiên mà Marx chỉ ra để giải thích một cách sâu sắc BẢN CHẤT XÃ HỘI TỪ CHÍNH NGAY TRONG SỰ HÌNH THÀNH NGÔN NGỮ.

Như vậy, đứng hẳn trong chiều sâu của quan điểm giao tiếp xã hội, Marx chú ý đến hiện trường sinh động của quá trình giao tiếp, qua đó, chẳng những nhận dạng bản chất liên nhân mà còn phát

hiện cả bản chất vừa xã hội – vừa cá nhân nằm trong chính bản chất liên nhân ấy của HÀNH VI GIAO TIẾP. Theo chúng tôi, không tiếp cận được thấu đáo tầm nhìn trên của Marx, ta sẽ không hiểu vì sao Marx KHÔNG TÁCH RỜI MỘT CÁCH SIÊU HÌNH GIỮA NGÔN NGỮ VÀ LỜI NÓI - một trong những vấn đề mà giới ngôn ngữ học từ lâu đã bận tâm (đồng thời phải chăng đó cũng là chỗ Saussure chưa vươn đúng tới được tầm nhìn của Marx ?!).

Ngôn ngữ học trong nhiều năm gần đây, khi bắt buộc phải giải quyết những vấn đề cấp thiết đặt ra của bản thân (trong đó, chẳng hạn vấn đề quan hệ nội bộ giữa các phạm trù ngôn ngữ, vấn đề nghĩa của từ trong mối quan hệ với các phạm vi nhận thức, chức năng, cấu trúc...), quả thật, người ta không thể chỉ tư biện trong những quan điểm *tĩnh tại* với sự nhấn mạnh ít nhiều cực đoan như "ngôn ngữ chỉ là hệ thống tín hiệu"!; trái lại - hình như mỗi ngày một rõ - người ta phải quay trở lại HIỆN TRƯỜNG GIAO TIẾP - NGÔN NGỮ KHÔNG TÁCH KHỎI LỜI NÓI theo cách nhìn của Marx để có thể xử lý một cách thỏa đáng hơn những vấn đề đặt ra của ngôn ngữ học (8; 21,22).

Tại đây, khi quan tâm đến hiệu lực giao tiếp với cách nhìn không tách rời ngôn ngữ với lời nói từ luận đề của Marx, rõ ràng là chúng ta không thể không nói đến lượng thông tin được hình thành thông qua *thao tác vận động hai chiều* giữa người nói và người nghe với tất cả những tiền đề cụ thể *bên trong* và *cả bên ngoài* ngôn ngữ. (Có điều khá thú vị này không thể không lưu ý: Ngay một số nhà ngôn ngữ học không theo quan điểm mac-xít chính thống có lúc đã phải nói rõ ràng: "Trong khi lấy cách phản ứng của người nghe làm tiêu chuẩn, chúng tôi nhích gần đến tiêu chuẩn ý nghĩa mà các nhà ngôn ngữ học thường yêu cầu. Hình như – vẫn lời của Bloomfield - không thể nào tránh khỏi một cái gì như vậy, ít ra trong giai đoạn hiện nay của ngôn ngữ học". Và trước khi trích dẫn lời trên của Bloomfield (mục 23, trong quyển *Các phương pháp của ngôn ngữ học kết cấu* của mình), chính Harris (1954) đã nêu: "Khi nào những kết quả của việc phân tích ngôn ngữ học được trình bày kết hợp với những lời miêu tả chi tiết về lời nói hay những mẫu thực của lời nói thì ta mới thực sự có một bản miêu tả ngôn ngữ (sách trên, *ghi chú mục*

22). Theo chúng tôi, tiếp cận luận đề của Marx theo hướng lí giải trên, chẳng những ta có điều kiện chia sẻ khuyến cáo của Bloomfield và Harris, chia sẻ luôn cả sự giải tỏa những khuyến cáo ấy từ lí thuyết *hành vi ngôn ngữ* của Austin, Searle, Grice, mà - hơn thế - còn tiếp tục cảm nhận được chính tầm nhìn của Marx đang định vị rõ dần trong nhiều hướng đi mở đặt ra trong lí thuyết ngôn ngữ học.

Chẳng hạn, khi hiểu được hoạt động mở ngôn ngữ từ luận đề của Marx, và từ đó nhìn rộng ra quang cảnh phát triển ngôn ngữ hiện nay, phải chăng ta càng có điều kiện thấu rõ thêm VÌ SAO những nhà lí luận *phê bình diễn ngôn* theo hướng tri nhận hiện nay lại kêu gọi chúng ta "tái ngữ cảnh hóa" (recontextualisation) trong nghiên cứu; và cũng như vậy, VÌ SAO không phải ngẫu nhiên mà Halliday (1999) - nhà ngôn ngữ chức năng cập nhật nhiều xu hướng và rất giàu kinh nghiệm sư phạm này - lại khuyến cáo chúng ta: "Trong phân tích ngôn ngữ, cần chú ý đến cái cách mà người sử dụng ngôn ngữ hiện thực hóa nghĩa trong ngôn cảnh"?! Và, với góc nhìn khác, VÌ SAO khi đưa ra cơ chế tín hiệu học ba mặt (*nghĩa học - dụng học - kết học*), nhà lí luận kí hiệu học Mĩ - Ch. Morris - đã chủ động bổ sung hiệu ứng của hành vi tiếp nhận vào chiều thứ hai của *kênh nghĩa học*.

Tóm lại, có thể nói được rằng luận đề của Marx về *sự hình thành ngôn ngữ từ tiền đề giao tiếp* đã đưa lại cho chúng ta một tầm nhìn chủ động trong cách tiếp cận hướng đi *mở* đang đặt ra của ngôn ngữ học hiện đại. Đồng thời - như là hệ quả tất yếu của tiền đề trên - cách nhìn *ngôn ngữ không tách rời siêu hình với lời nói* của Marx cũng đã thực sự giúp ta có điều kiện thâm nhập sâu hơn vào cơ chế tạo nghĩa không chỉ với *điều kiện bên trong* và *điều kiện bên ngoài* ngôn ngữ mà, hơn thế, còn cả với việc nhận dạng *phẩm chất nghĩa mới* như một sản phẩm được phái sinh từ chính cơ chế ấy.

Nên nhớ rằng, sự phát triển tư duy nhận thức của con người trong quá trình phát triển là vô hạn và rất đa dạng. Nhưng những dấu hiệu vật thể dùng làm chỗ dựa cho quá trình định hình nhận thức thông qua tín hiệu ngôn ngữ là có hạn. Quá trình giải quyết mâu thuẫn này, do vậy, kéo theo một cách tất nhiên việc đặt những dấu hiệu vật thể từ *trạng thái ước định đầu tiên* (vốn chật hẹp) vào

những thể đối lập có phẩm chất mỗi lúc một rộng dần, đa dạng và phóng khoáng hơn theo nguyên tắc tạo nghĩa của tín hiệu học (mặc dù những chất liệu "cảm giác được" (= *cái biểu đạt*) vẫn là chất liệu "vật lí" đầu tiên của ngôn ngữ, và mặc dù hiệu lực cuối cùng (= *cái được biểu đạt*) cũng vẫn là sản phẩm trừu tượng nảy sinh từ hiệu lực ngôn ngữ trong định hướng giao tiếp!). Nhìn chung, có thể nói đây chính là sản phẩm của cách nhìn đối tượng ngôn ngữ như một thực thể động từ *tiền đề giao tiếp xã hội* trong mối quan hệ với *giá trị ước định* qua luận đề của Marx.

Nhưng, theo chúng tôi, nhìn lại thực tế lịch sử, sự vận dụng *cơ chế động* nói trên, thực ra, không phải bao giờ cũng được quán triệt.

Như chúng ta biết, trong nhiều thập kỉ cuối thế kỉ trước, khi cố gắng thâm nhập toàn diện hơn vào bản chất ngôn ngữ, đặc biệt là mặt ngữ nghĩa thì một số khó khăn mới hình như đã nảy ra chính ở phạm vi này với nhiều nhà ngữ học Nga. Giáo sư Solncev khi đề cập đến vấn đề lí thuyết về nghĩa, đã nêu: "Vấn đề nghĩa là một trong những vấn đề nan giải nhất của ngôn ngữ học, bởi vì nghĩa thuộc vào số những hiện tượng mà ta không thể quan sát hoặc đo đạc trực tiếp được. Cho đến nay, ngôn ngữ học vẫn chưa tìm ra được một quan niệm tương đối được mọi người thừa nhận về nghĩa" (*Ngôn ngữ* số 2-1980). Và cạnh Solncev, chắc không phải ngẫu nhiên mà Stepanov lại mượn lời sau của Kondakov để khẳng định sắc thái cụ thể này: "Khi bàn đến ý nghĩa của từ và khái niệm, nên nhớ rằng bản thân khái niệm "khái niệm" chưa được logic học xác định một cách rõ ràng" (*Những cơ sở của ngôn ngữ học đại cương* H.77, tr.41).

Nhìn chung, phải chăng sự khó lí giải về vấn đề nghĩa thực ra *chỉ* do lĩnh vực nghĩa quá ư trừu tượng?! Một sự "khủng hoảng" trong cách nhận thức về nghĩa như vậy, theo chủ quan chúng tôi, nhìn chung, chắc chắn *không đơn thuần chỉ là vấn đề thuộc phẩm chất nội tại của riêng phạm trù nghĩa*. Và cũng như vậy nhưng với trạng thái khác, đặc biệt với ngôn ngữ không biến hình như tiếng Việt: một loạt vấn đề nan giải đang đặt ra trong cách nhận dạng ranh giới các loại đơn vị từ vựng (từ đơn, từ ghép, từ tổ, từ tổ cố định v.v.) *chắc*

chắc cũng không đơn thuần đó chỉ là vấn đề hình thái thuần túy! (3;230)

Tại đây, những vấn đề đặt ra trên không thể không liên quan đến cơ chế tạo nghĩa từ *giá trị ước định* và *tiền đề giao tiếp xã hội* theo cách nhìn của Marx. Nếu bỏ qua tiền đề này, rõ ràng chúng ta sẽ mất động lực để nhìn ra sự biến hóa của ngôn ngữ. Trong mỗi liên hệ ấy, dĩ nhiên không thể không có vấn đề *phân bố lại giá trị các chỉnh thể tương đối của tín hiệu từ tiền đề giao tiếp xã hội* cùng với quá trình phát triển ngôn ngữ - một quá trình vốn diễn ra một cách không bao giờ "khủng hoảng" - mà ta đang quan tâm. Ở khía cạnh này, Marx cũng có một ý kiến khá thú vị. Dĩ nhiên không nằm trong luận đề chung và không chỉ dành riêng cho ngôn ngữ. Marx nói: "Đời sống xã hội về bản chất là có tính thực tiễn. Tất cả những sự thần bí đang đầy lí luận vào con đường của chủ nghĩa thần bí đều được giải quyết một cách hợp lí trong thực tiễn của con người" (2;148). Đúng như vậy. Chúng ta tin rằng sức mạnh của đời sống thực tiễn củng cố lại sự tư biện của lí luận là như vậy; và hình như càng có thể như vậy hơn đối với bản chất ngôn ngữ, đặc biệt trong đó với tính thống nhất giữa nội dung và hình thức đã đành, còn cả với tính *luôn biến động ngay từ trong bản chất thống nhất* của quá trình ngôn ngữ - điều mà ta đang tiếp tục nói đến.

Trong lịch sử nghiên cứu khoa học nói chung, sự phân chia những ranh giới hoạt động theo một yêu cầu nào đó trước một đối tượng nhất định - chẳng hạn như ranh giới giữa ngôn ngữ và lời nói - có thể là cần thiết. Nhưng vấn đề đặt ra là, sau khi phân giới, chính bản thân khoa học ấy lại phải tìm cách, từ trong chiều sâu, chứng minh giúp cho nhận thức khám phá thêm trạng thái khách quan vốn không thể chia tách của sự vật. Về mặt lịch sử, sự đối lập giữa ngôn ngữ và lời nói dù đặt ra dưới dạng nào - *competence* và *performance* với Chomsky hoặc *parole* và *langue* với Saussure, hay *energeia* và *ergon* với Humboldt v.v... - tất cả - theo chủ quan chúng tôi - quả tình đều chưa được chính các tác giả "nối liền" lại một cách nhất quán và có sức thuyết phục. Nguyên nhân có thể có nhiều nhưng hiện nay, khi nhìn lại, hình như một nguyên nhân bao trùm có thể nêu được là: Ngôn ngữ ở đây, nghĩ cho cùng, dù sao, vẫn còn bị nhìn

một chiều theo quan điểm *tĩnh*, chưa theo kịp tầm nhìn của Marx. (Chomsky *tạo sinh* nhưng lại "không miêu tả quá trình tạo ra" và "không tiếp thu các câu thực tế", tức là phủ định quá trình tạo lập mới. Trong lúc đó, Humboldt lại đồng nhất ngôn ngữ và tư duy, chỉ xem ngôn ngữ như là một thành phẩm (*Ergebnis*). Còn ở Saussure, nét siêu hình gắn với cái nhìn tĩnh tại này lại ẩn vào một bình diện khác. Nhà ngữ học công nhận lời nói là tiền đề cho ngôn ngữ phát triển nhưng mặt khác lại tuyệt đối hóa cho rằng "lời nói của cá nhân không có cái gì là tập thể, là xã hội cả", chính do vậy mà sự *chuyển hóa giữa trạng thái động và tĩnh* ở đây vẫn bị cắt đứt. Rõ ràng, với quan điểm *tĩnh*, ngôn ngữ ở đây chỉ được khảo sát một chiều trong chức năng tiền đề của quá trình vận dụng. Và khi đã như vậy thì dù có chấp nhận sự thống nhất hữu cơ giữa nội dung và hình thức đến đâu, cách lí giải vẫn đề cuối cùng cũng bị khoanh lại trong sự *gò ép theo phẩm chất tĩnh tại*, thiếu nhận thức ngôn ngữ trên quan điểm phát triển. Để "bào chữa" thêm phần nào cho Saussure trước chỗ tích cực của ông (đồng thời cũng chỉ ra chính ngay ở đó, chỗ không thể nào "bào chữa" được), xin trích dẫn ý kiến sau đây, khi nhà ngôn ngữ học xét tín hiệu một cách toàn diện; "Mặc dù cái được biểu hiện và cái biểu hiện xét riêng từng mặt vốn có tính chất thuần túy phân biệt tiêu cực, nhưng sự kết hợp giữa hai cái đó lại là một sự kiện tích cực; hơn nữa, đó là loại sự kiện duy nhất trong ngôn ngữ, vì cái đặc thù thiết chế ngôn ngữ chính là ở chỗ duy trì sự tương ứng giữa hai diện phân biệt đó" (3;209). Thử đứng xa ra một chút và đặt câu hỏi này: Phải chăng trong thực tiễn phát triển của ngôn ngữ bao giờ "sự tương ứng ấy" cũng được "duy trì"? (Lenin đã từng lưu ý rằng: "Chỉ chú ý sự thống nhất giữa tư duy và thực tiễn, giữa cái hữu hạn và vô hạn là không đúng, vì nó thể hiện một tính đồng nhất "ở trạng thái đứng im...Chúng nào người ta chưa có ý thức về tính tất yếu của sự chuyển hóa mà đã đưa ra sự chuyển hóa từ cái này sang cái khác thì đôi khi đó chỉ là một sự lầm lạc" (9;145, 214).

Về phương diện này, nếu liên hệ với Marx, đúng vậy, ta thấy Marx có cách nhìn khác.

Marx luôn xem bản chất tín hiệu ngôn ngữ là một *quá trình động*. Marx nói: "Khẩu ngữ, mặc dù về mặt từ vựng đã hết sức vững chắc rồi, và về mặt

hình thức, ngữ pháp lại còn vững chắc hơn nữa, nhưng không vì thế mà không biến đổi" (3;209). Và quá trình biến động này, theo Marx, luôn gắn với sự phát triển của tư duy nhận thức trong định hướng hoạt động thực tiễn của con người. Không quan tâm đến định hướng trên của Marx, không thể nào nhận ra được tận gốc động lực sâu xa của quá trình phát triển của ngôn ngữ. Và, phải chăng, chỉ có từ quan điểm phát triển trên, ta mới có thể nhận rõ sự mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức của tín hiệu ngôn ngữ gắn liền với quá trình phá vỡ, điều chỉnh, cải biến và cả sự sáng tạo thêm những nhân tố thuộc về "cái biểu đạt" để làm định hình "cái được biểu đạt" gắn liền với hoạt động nhận thức mới về hiện thực (9;219). Hay nói theo cách diễn đạt của Lenin "Khái niệm của con người không đứng im, mà luôn luôn biến động, chuyển từ cái nọ sang cái kia, tràn từ cái nọ sang cái kia, nếu không như thế thì nó không còn là cái phản ánh đời sống sinh động" (9; 250).

Marx thường nhấn mạnh "sự sản xuất tinh thần" thể hiện trong ngôn ngữ của chính trị, pháp luật, tôn giáo, siêu hình học..." (2;43) cũng chính là để nhấn mạnh mối quan hệ giữa hoạt động nhận thức và ngôn ngữ gắn với quá trình sản sinh cái mới theo quy luật nêu trên. Nhờ đặt tín hiệu ngôn ngữ và tư duy nhận thức gắn với *quá trình phát triển* nên Marx phát hiện ra ở ngôn ngữ "bản chất vừa thống nhất vừa không thống nhất giữa nội dung và hình thức" trên một hoạt động thực tiễn hai chiều rất cơ động: Khi thì nó được xem như yếu tố *tiền đề*, khi thì được xem như yếu tố *kết quả*, đồng thời có lúc lại *vừa là tiền đề vừa là kết quả*. Đây chính là chỗ Saussure chưa vươn tới được. Khi Marx nói "ngôn ngữ chỉ sinh ra là do nhu cầu, do sự cần thiết phải giao dịch với người khác" thì rõ ràng ngôn ngữ hầu như là phương tiện, là *tiền đề*. Nhưng khi Marx nhấn mạnh "ngôn ngữ là ý thức thực tại" thì ngôn ngữ ở đây hầu như không chỉ đơn thuần là tiền đề, là phương tiện, mà là cả *kết quả*, cả hiện thực trực tiếp của tư tưởng. Và đặc biệt hơn, khi Marx nhấn mạnh "ngôn ngữ cũng cổ xưa như ý thức vậy" thì quả thật ở đây ta khó bề tách biệt một cách siêu hình yếu tố *tiền đề* khỏi yếu tố *kết quả*, vì quá trình định hình của nhận thức tư duy cũng chính là quá trình mà ở đấy bản thân nhân tố là phương tiện, là tiền đề ấy chính lại là

nhân tố vừa chủ động nhưng cũng vừa bị động; vừa là cái "làm ra", vừa là cái "chứa đựng", đồng thời cũng chính là một mặt của "bản thân tư duy" (nếu nhìn từ góc độ nào đó). Chỗ Saussure chưa vươn tới được một cách triệt để này chính tâm lí học hiện đại (với khuynh hướng tích cực nhất) đang tiếp cận. Về phương diện này cần lưu ý ý kiến sau đây (trong *Nguyên lí quyết định luận và lí luận tâm lí học tư duy*) của Rubinstein: "...Nét đặc trưng của tư duy ở người là mỗi tác động qua lại giữa người đang tư duy **vừa với** thực tại cá thể tri giác cảm tính và trực tiếp, **vừa với** hệ thống tri thức do xã hội tạo ra được khách quan hóa vào trong từ ngữ, **vừa với** sự giao lưu giữa con người với loài người....Hoạt động của tư duy bao giờ đồng thời cũng chính là quá trình tư duy, và quá trình tư duy về một khía cạnh nào đó chính là bản thân hoạt động ấy" (10;276).

Phải chăng tính biện chứng về sự tác động qua lại giữa ngôn ngữ như *nhân tố tiền đề* và ngôn ngữ như *nhân tố kết quả* cũng như ngôn ngữ là *nhân tố vừa tiền đề vừa kết quả* theo cách nhấn mạnh của Marx chính là sự thể hiện tính *quá trình* theo đặc trưng *động*, hoàn toàn phù hợp với cách định hướng vào thực tiễn cuộc sống của chính quá trình phát triển ngôn ngữ theo cách nhìn của Marx.

Theo chúng tôi, chỗ mà ta cần nghiêm chỉnh và triệt để khai thác ở Marx này sẽ thực sự giúp ta cơ sở để hiểu vì sao ở đối tượng ngôn ngữ có sự "chập mạch" giữa *nội dung* và *hình thức*, và từ đó khúc xạ thành thực trạng đan chéo nhau giữa *đồng đại* và *lịch đại* cũng như giữa *diễn dịch* và *quy nạp* (vốn làm thành đặc trưng riêng) liên quan về mặt phương pháp đối với nghiên cứu hoạt động của ngôn ngữ. Và đặc biệt, khi từ những luận đề ấy, ta thâm nhập lại một cách có ý thức hơn vào *thực thể động* của đối tượng ngôn ngữ theo cách nhìn tích hợp ở Marx thì ta lại có dịp ghi nhận và giải đáp tiếp: Vì sao ở đây ngôn ngữ lại có nhiều phạm vi ngoại diện cho cả nội dung lẫn hình thức (xã hội học, logic học, tâm lí học, thông tin học, tín hiệu học...) và vì sao những vòng tròn đồng tâm rộng hơn ngôn ngữ ấy lại phải giao hoán một cách hữu cơ với ngôn ngữ trong tồn tại và phát triển.

1/ Đặt vấn đề *Tín hiệu ngôn ngữ với giá trị ước định và tiền đề giao tiếp xã hội từ một số luận đề của Marx*, trước hết là muốn tiếp cận cách nhìn

ngôn ngữ trong thể *hình thành và phát triển* của chính Marx, qua đó, có điều kiện nhận thức đúng hơn bản chất đích thực của ngôn ngữ.

2/ Chính từ cách nhìn *đối tượng ngôn ngữ như một thực thể động* này, về mặt phương pháp, Marx đã có điều kiện gợi mở cho chúng ta đi vào một số mặt bản chất quan trọng của ngôn ngữ theo hướng lí giải. Đó là *Bản chất xã hội của ngôn ngữ* từ tiền đề *giao tiếp xã hội* và *Bản chất kí hiệu* của ngôn ngữ từ tiền đề *giá trị ước định*.

3/ Đặc biệt, tại đây, khi đã hiểu *giá trị ước định* luôn mang trong bản thân nó *yếu tố tâm lí xã hội* thì ta càng có điều kiện trở lại nhận rõ hơn đâu là điểm đồng tâm giữa *giá trị hàng hóa* và *giá trị ngôn ngữ*, qua đó, định vị được chỗ kế thừa của Saussure từ Marx. Đồng thời, với sự sáng tỏ về mặt phương pháp luận, trong chừng mực so sánh, ta còn có thể cảm nhận được những chỗ còn hạn chế có thể có về mặt phương pháp luận ở những nhà ngôn ngữ tiền bối.

4/ Cuối cùng, cũng từ tầm nhìn ngôn ngữ theo xu thế mở nói trên của Marx, ta có điều kiện *cập nhật một cách chủ động và tích cực* nhiều hướng đi mới của ngôn ngữ học hiện nay (kể cả việc có thể định vị chính tầm nhìn kinh điển trên của Marx trong hướng đi của ngôn ngữ học tri nhận).

Tài liệu tham khảo

1. Marx, Ăngghen, Lênin bàn về ngôn ngữ, H., 1962.
2. K. Marx (1960), *Tư bản luận (tập 1)* H.
3. F.de Saussure (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, H., .
4. Nhiều tác giả, *Những cơ sở triết học trong ngôn ngữ học*, H., 1984.
5. B. L. Whorf (1962), *Language, thought and reality*, New York.
6. Joh. Engelkamp (1983), *Psycholinguistik*. Munchen.
7. F.V.Kutschera (1975), *Sprachphilosophie*, Munchen.
8. W.Schmidt (1977), *Grundfragen der deutschen Grammatik*. Berlin.,
9. V.Lenin (1981), *Bút kí triết học (tập 29)*, Moskva.
10. Nhiều tác giả (1978), *Tâm lí học Liên Xô*, Moskva.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-05-2012)